TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 3 - 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc và bà Nguyễn Thị Xuân.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2022/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Lý P**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp Y, xã T H, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.
- Bị đơn: Ông **Trương Quốc H**, sinh năm 1970; nơi đăng ký thường trú: Ấp P L, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã P L2, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2022 và lời khai trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lý P trình bày:

Bà và ông Trương Quốc H tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P L và được cấp giấy Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/7/2013. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp; vợ chồng thường xuyên cãi vã và mối quan hệ giữ vợ chồng luôn căng thẳng. Từ tháng 7/2022, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình

cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Quốc H.

Về con và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông H có 02 (hai) con chung là: Trương Anh H, sinh ngày 06/4/2007 và Trương Diệp A, sinh ngày 18/3/2019. Nay ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung bất kỳ ai nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/12/2022, bị đơn ông Trương Quốc H trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Lý P tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau do ông thường tụ tập bạn bè, nhậu nhẹt, ca hát nên khi về bà P thường phàn nàn nên lúc nóng giận thì ông có đuổi bà P ra khỏi nhà. Vì vậy, từ tháng 7/2022, bà P đưa các con về nhà cha mẹ ở Bình Phước sinh sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Tuy nhiên, ông mong muốn vợ chồng có thêm thời gian để hòa giải, hàn gắn với nhau nên ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Lý P.

Về con và cấp dưỡng nuôi con: Ông và bà P có 02 con chung là: Trương Anh H, sinh ngày 06/4/2007 và Trương Diệp A, sinh ngày 18/3/2019. Nay ly hôn, ông đồng ý giao Trương Anh H cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng; ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Diệp A và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung bất kỳ ai nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án lập Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự tại địa phương và thông báo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác; bị đơn vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để tống đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 85, 89, 90, 91, 92 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà Nguyễn Thị Lý P được ly hôn với ông Trương Quốc H; về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao các cháu Trương Anh H và Trương Diệp A cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và ông H không cấp dưỡng nuôi con do bà P không yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Xác định thẩm quyền giải quyết: Ông Trương Quốc H cư trú tại Ấp 5, xã P L2, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật: Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xác định tư cách đương sự: Bà P khởi kiện đối với ông H. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà P là nguyên đơn, ông H là bị đơn trong vụ án.

[1.4] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Các đương sự tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 85, ngày 10 tháng 7 năm 2013. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, khi bà P yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng ông H không đồng ý ly hôn với bà P. Xét thấy, trong thời gian sống chung, các đương sự có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, sống không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Bản thân ông H cho rằng mình cần thời

gian để hòa giải với bà P nhưng trong thời gian sống ly thân thì ông H không có biện pháp gì để hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình, mà để vợ chồng tiếp tục sống ly thân cho đến nay.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự có 02 (hai) con chung là: Trương Anh H, sinh ngày 06/4/2007 và Trương Diệp A, sinh ngày 18/3/2019. Xét thấy, từ khi các đương sự sống ly thân (từ tháng 7/2022 cho đến nay), các còn chung đều do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác: Trương Anh H có nguyện vọng được sống cùng với bà P, còn cháu Anh còn nhỏ hơn 04 tuổi và là con gái nên cần sự chăm sóc tỉ mỉ, chu đáo của người phụ nữ. Vì vậy, để tránh xáo trộn trong cuộc sống và tránh ảnh hưởng đến tâm lý của các con chung nên giao Trương Anh H và cháu Anh cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, đúng pháp luật. Bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn thuộc hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 85, 89, 91, 92, 93 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lý P.

1.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lý P được ly hôn với ông Trương Quốc H.

1.2. Về con và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự có 02 (hai) con chung là: Trương Anh H, sinh ngày 06/4/2007 và Trương Diệp A, sinh ngày 18/3/2019. Giao Trương Anh H và cháu Anh cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Các đương sự có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây cản trở. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà P được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (Để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (Đăng ký kết hôn số 85 ngày 10/7/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam